

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 572/2022/KDTM-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vận chuyển.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Trúc Ly

2. Ông Đặng Quang Nhã

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Phan Duy Thịnh, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2020/KTST ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5386 /2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5889/2022/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần vận tải Hàng không M

Địa chỉ: Số 1A đường H, Phường T, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1987TH hoặc bà Võ Thị Ngọc T – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/01/2021) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH MTV Thương mại và Giao nhận P

Địa chỉ: Lầu 2, số A đường Đ, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Thiên K, sinh năm 1980 (*vắng mặt*) – Là người đại diện theo pháp luật (Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 24/10/2018) (Có mặt)

Địa chỉ: Y Chung cư D, đường B, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2020, các bản tự khai và nội dung trình bày tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Ông Nguyễn Hữu H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 01/4/2020, Công ty Cổ phần vận tải Hàng không M (sau đây gọi là Công ty Hàng không M) và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Giao nhận P (sau đây gọi là Công ty P) đã ký Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ giao nhận vận chuyển số 387/SA – P, theo đó nguyên đơn đồng ý cung cấp cho bị đơn các dịch vụ bao gồm: Vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không, đường biển và đường bộ cho các lô hàng sản xuất và nhập khẩu của bị đơn. Hợp đồng có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp dịch vụ vận chuyển cho bị đơn đúng theo các thỏa thuận của Hợp đồng, tuy nhiên, sau khi nguyên đơn hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho bị đơn thì bị đơn đã không thanh toán cước phí vận chuyển, chi phí dịch vụ đúng hạn cho nguyên đơn. Cụ thể, số tiền công nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tổng cộng là 209.664.707 đồng, chi tiết công nợ như sau:

+ Ngày 11/05/2020, nguyên đơn cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Los Angeles – Hoa Kỳ cho bị đơn. Và trong ngày 11/05/2022, Nguyên đơn đã xuất hai hóa đơn số VT/19E00004XX và số VT/19E00004YY cho vận đơn mã 027-267098XX với số tiền lần lượt là 187.645.021 đồng và 2.114.358 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

+ Ngày 19/05/2020, nguyên đơn cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Narita – Nhật Bản cho bị đơn. Và ngày 21/05/2020, nguyên đơn đã xuất hai hóa đơn số VT/19E00006AA và số VT/19E00006BB cho vận đơn mã 297-374810CC với số tiền lần lượt là 6.942.358 đồng và 123.808 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

+ Ngày 16/06/2020, nguyên đơn cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Narita - Nhật Bản cho bị đơn. Và ngày 30/06/2020, nguyên đơn đã xuất hai hóa đơn số MN/19E00003DD và số MN/19E00003EE cho vận đơn mã 297-374677FF với số tiền lần lượt là 6.411.927 đồng và 589.490 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

+ Ngày 14/07/2020 nguyên đơn cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa quốc tế từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Narita – Nhật Bản cho bị đơn. Ngày 31/07/2020, nguyên đơn xuất hai hóa đơn số MN/19E00004GG và số MN/19E00004HH cho vận đơn mã 297-374580KK với số tiền lần lượt là 5.249.014 đồng và 588.731 đồng (đã bao gồm thuế VAT).

Mặc dù, nguyên đơn đã rất nhiều lần thông báo trực tiếp, gửi thư điện tử (email) và gửi văn bản yêu cầu bị đơn thanh toán cước phí vận chuyển, phí dịch vụ nêu trên cho nguyên đơn, đồng thời bị đơn cũng đã gửi các phản hồi xác nhận công nợ với nguyên đơn và cam kết thời hạn thanh toán tiền phí dịch vụ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, bị đơn vẫn không thực hiện đúng các nghĩa vụ và

cam kết trả nợ của mình đối với nguyên đơn. Việc thông báo đề nghị thanh toán đã được nguyên đơn nhiều lần gửi đến bị đơn, cụ thể như sau:

+ Công văn số 224/2020/CV-SA ngày 15/07/2020 của nguyên đơn gửi bị đơn về việc đề nghị thanh toán phí dịch vụ và cước vận chuyển theo Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ giao nhận số 387/Nguyên đơn-Bị đơn ngày 01/04/2020.

+ Công văn số 240/2020/CV- SA ngày 03/08/2020 của nguyên đơn gửi bị đơn về việc đề nghị thanh toán phí dịch vụ và cước vận chuyển theo Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ giao nhận số 387/ SA – P ngày 01/04/2020 (Lần 2).

Ngày 29/4/2022, Công ty P chuyển khoản thanh toán công nợ tháng 5, tháng 6, tháng 7 năm 2020 số tiền 19.905.328 đồng cho các hóa đơn sau: Hóa đơn số VT/19E00006AA, hóa đơn số VT/19E00006BB, hóa đơn số MN/19E00003DD, hóa đơn số MN/19E00003EE, hóa đơn số MN/19E00004GG, hóa đơn số MN/19E00004HH

Tính đến ngày 29/09/2022, P vẫn còn nợ SA tổng số tiền phí dịch vụ và cước phí vận chuyển cho hai hóa đơn số VT/19E00004XX và số VT/19E00004YY (vận đơn mã 027-267098XX) là: 189.759.379 đồng.

Căn cứ Điều 3 của Hợp đồng quy định về thời hạn thanh toán thì: “Bên B thanh toán cho Bên A toàn bộ cước phí vận chuyển, phí dịch vụ và các chi phí phát sinh khác trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn của mỗi lô hàng và có xác nhận của Bên B. Trường hợp Bên B thanh toán chậm thì Bên B phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”.

SA tạm tính mức lãi suất nợ quá hạn dựa theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba ngân hàng (A, VT, VC) tại thời điểm năm 2022 trên địa bàn Quận M, TP.HCM là 13%/năm (Đây là thông tin lãi suất tạm tính trên cơ sở SA tìm hiểu được, SA không có văn bản xác nhận chính thức từ ba ngân hàng: A, VT, VC về lãi suất nêu trên, do đó SA kính đề nghị Tòa án hỗ trợ việc đề nghị các ngân hàng nêu trên cung cấp văn bản xác nhận chính thức về mức lãi suất để làm căn cứ tính tiền lãi phát sinh đối với P). Do đó, Bên B phải thanh toán cho Bên A số tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính tới ngày 29/09/2022, cụ thể như sau:

Hai hóa đơn số VT/19E00004XX và số VT/19E00004YY xuất ngày 11/05/2020 có ngày đến hạn thanh toán là 11/06/2020. Như vậy, số ngày chậm thanh toán là 840 ngày (được tính từ ngày 11/06/2020 tới ngày 29/09/2022) với số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là $189.759.379 \text{ đồng} \times 13\%/365 \times 840 \text{ ngày} = 56.771.847 \text{ đồng}$.

Đối với các Hóa đơn số VT/19E00006AA, hóa đơn số VT/19E00006BB, hóa đơn số MN/19E00003DD, hóa đơn số MN/19E00003EE, hóa đơn số MN/19E00004GG, hóa đơn số MN/19E00004HH, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi.

Như vậy, tính tới ngày 29/09/2022, P còn nợ SA bao gồm tiền phí dịch vụ, cước phí vận chuyển và lãi phát sinh do chậm thanh toán với tổng cộng số tiền là: $189.759.379 \text{ đồng} + 56.771.847 \text{ đồng} = 246.531.226 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Công ty P phải thanh toán cho SA tổng số tiền phí dịch vụ, cước phí vận chuyển và lãi phát sinh do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 29/09/2022 là 246.531.226 đồng ngay sau khi Bản án hay Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Giao nhận P, có bà Phạm Thị Thiên K là người đại diện theo pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự thủ tục tố tụng; những người tham gia tố tụng đã được Tòa án thông báo và triệu tập thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trong phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 74, Điều 78, Điều 82, Điều 85, Điều 86, Điều 236, Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ giao nhận vận chuyển số 387/SA – P ngày 01/4/2020, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền do bị đơn vi phạm nghĩa vụ. Quan hệ tranh chấp này phát sinh từ việc ký kết hợp đồng dịch vụ giữa hai bên là tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, tại Điều VIII của Hợp đồng nguyên tắc số 387/SA – P ghi nhận hai bên thoả thuận về lựa chọn Tòa án là cơ quan giải quyết khi có tranh chấp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Căn cứ kết quả xác minh, cung cấp tài liệu chứng cứ của các cơ quan như: Công văn số 48307/CCTQ1-KK-KTT-

TH ngày 26/8/2022 của Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 20362/CCTQ1-KK-KTT-TH ngày 06/4/2022 của Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; Nội dung xác minh ngày 21/6/2021 của Công an Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định: Công ty TNHH MTV TM và Giao nhận P có địa chỉ kinh doanh tại Lầu 2, số A đường Đ, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, có đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Thiên K, tình trạng hoạt động: NNT vẫn đang hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Qua thực tế tổng đạt trực tiếp xác định được Công ty TNHH MTV TM và Giao nhận P không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn không cư trú tại địa chỉ Y chung cư H, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn không thực hiện thông báo địa chỉ mới cho cơ quan có thẩm quyền, cho bên giao kết hợp đồng với mình theo quy định của pháp luật về cư trú được xem là cố tình giấu địa chỉ nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bị đơn và người đại diện pháp luật của bị đơn đã được Toà án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; đồng thời người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ ý kiến trình bày của phía nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử và tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp, thu thập trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc cung cấp dịch vụ giao nhận vận chuyển số 387/SA – P ngày 01/4/2020 để thỏa thuận việc thuê vận chuyển hàng hóa quốc tế bằng đường hàng không, đường biển và đường bộ cho các lô hàng sản xuất và nhập khẩu của Công ty P. Xét Hợp đồng được xác lập giữa hai bên có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 74, Điều 78, Điều 82, Điều 85, Điều 86 và Điều 233 Luật Thương mại nên được công nhận.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Hàng không M đã cung cấp dịch vụ vận chuyển cho Công ty P theo các thỏa thuận của Hợp đồng thể hiện trong các hóa đơn sau: Hóa đơn số VT/19E00004XX và số VT/19E00004YY cho vận đơn mã 027-267098XX với số tiền lần lượt là 187.645.021 đồng và 2.114.358 đồng (đã bao gồm thuế VAT); hóa đơn số VT/19E00006AA và số VT/19E00006BB cho vận đơn mã 297-374810CC với số tiền lần lượt là 6.942.358 đồng và 123.808 đồng (đã bao gồm thuế VAT); hóa đơn số MN/19E00003DD và số MN/19E00003EE cho vận đơn mã 297-374677FF với số tiền lần lượt là 6.411.927 đồng và 589.490 đồng (đã bao gồm thuế VAT); hóa đơn số MN/19E00004GG và số MN/19E00004HH cho vận đơn mã 297-374580KK với số tiền lần lượt là 5.249.014 đồng và 588.731 đồng (đã bao gồm thuế VAT)

Theo Công văn số 48307/CCTQ1-KK-KTT-TH ngày 26/8/2022 của Chi cục Thuế Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin quản lý hành chính về lĩnh vực thuế đối với Công ty TNHH MTV TM và Giao nhận P như sau: Địa

chỉ thư điện tử NNT đăng ký sử dụng tại cơ quan Thuế: K.pham@phamle.com.vn.

Tại trang 10 và trang 11 của Vi bằng số 655/2022/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại Gia Định lập ngày 11/7/2022 có nội dung thể hiện các thư điện tử trao đổi qua lại giữa tài khoản K Phạm K.Pham@phamle.com.vn và Khuyen Nguyen khuyen.nguyen@SA.com.vn như sau: Tại thư điện tử có thời gian “On Tue, Apr 12, 2022 at 2:43 PM Khuyen Nguyen khuyen.nguyen@SA.com.vn” có nội dung: “Đur công nợ Tồn là 209.664.707 VND đúng rồi nhé chị, em nhận thông tin và chị sắp xếp thanh toán vào tài khoản như bên dưới cho bên em với ạ”, tại thư điện tử có thời gian “You replied to this message on 12/4/2022 2:58 PM” từ K Phạm K.Pham@phamle.com.vn có nội dung “Khuyên ơi, chị cảm ơn em nhé. Thông tin Nh của SA khớp với thông tin phía chị, vậy kế hoạch thanh toán như email chị báo em nhé. Cần thêm thông tin nào khác thì em email/alo cho chị K ngenh. Thanks a lot”.

Ngày 29/4/2022, Công ty P chuyên khoản thanh toán công nợ tháng 5, tháng 6, tháng 7 năm 2020 số tiền 19.905.328 đồng cho các hóa đơn sau: Hóa đơn số VT/19E00006AA, hóa đơn số VT/19E00006BB, hóa đơn số MN/19E00003DD, hóa đơn số MN/19E00003EE, hóa đơn số MN/19E00004GG, hóa đơn số MN/19E00004HH

Tính đến ngày 29/09/2022, Công ty P vẫn còn nợ SA tổng số tiền phí dịch vụ và cước phí vận chuyển cho hai hóa đơn số VT/19E00004XX và số VT/19E00004YY (vận đơn mã 027-267098XX) là: 189.759.379 đồng.

Tại Điều 3 của Hợp đồng quy định bên B thanh toán cho bên A toàn bộ cước phí vận chuyển, phí dịch vụ và các chi phí phát sinh trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn của mỗi lô hàng và có xác nhận của bên B. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 189.759.379 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với các Hóa đơn số VT/19E00006AA, hóa đơn số VT/19E00006BB, hóa đơn số MN/19E00003DD, hóa đơn số MN/19E00003EE, hóa đơn số MN/19E00004GG, hóa đơn số MN/19E00004HH, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu đòi bị đơn thanh toán lãi chậm trả:

Đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả trên số tiền còn nợ trên mỗi hóa đơn theo lãi suất 13%/năm từ thời điểm ngày thứ 31 kể từ ngày ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng của mỗi đợt vận chuyển đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy tại Điều 3 của Hợp đồng quy định trường hợp bên B thanh toán chậm thì bên B phải trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Hai hóa đơn số VT/19E00004XX và số VT/19E00004YY xuất ngày 11/05/2020 có ngày đến hạn thanh toán là ngày 11/06/2020, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11/6/2020, tức sau 30 ngày kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn cho bị đơn đến ngày

29/9/2022 (840 ngày) theo mức lãi nợ quá hạn trung bình trên thị trường quy định tại Điều 306 Luật Thương mại là phù hợp.

Về tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, nguyên đơn đề nghị Tòa án hỗ trợ nguyên đơn thu thập thông báo lãi suất của 03 ngân hàng A, VT, VC tại thời điểm năm 2022. Mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng (VC, Ngân hàng VT và Ngân hàng A) tại các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thời điểm hiện nay đang áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng $10.5\%/năm \times 150\%$ là $15,75\%/năm$. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là: $189.759.379 \text{ đồng} \times 13\%/365 \times 840 \text{ ngày} = 56.771.847 \text{ đồng}$ là có cơ sở chấp nhận.

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc 189.759.379 đồng và tiền nợ lãi 56.771.847 đồng, tổng cộng là: 246.531.226 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 8 Điều 94, khoản 1 Điều 147, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 74, Điều 78, Điều 82, Điều 85, Điều 86, Điều 236 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH MTV TM và Giao nhận P phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần vận tải Hàng không M số tiền nợ gốc 189.759.379 đồng và tiền nợ lãi 56.771.847 đồng, tổng cộng là: 246.531.226 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần vận tải Hàng không M có đơn yêu cầu thi hành

án cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty TNHH MTV TM và Giao nhận P chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Công ty TNHH MTV TM và Giao nhận P phải chịu án phí số tiền là 12.326.561 (*Mười hai triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi một*) đồng.

Hoàn lại Công ty Cổ phần vận tải Hàng không M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.396.291 (*Năm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi một*) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0029749 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Thanh Nhàn

